

**BÁO CÁO CHỈNH SỬA ĐIỀU LỆ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	CÁC SỬA ĐỔI BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.	<p>Căn cứ vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>26/11/2014</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - Luật Chứng khoán số <u>70/2006/QH11</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>29/06/2006</u>; <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>24 tháng 11 năm 2010</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán. 	<p>Căn cứ vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>17/06/2020</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; - Luật Chứng khoán số <u>54/2019/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>26/11/2019</u>; <u>Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>31 tháng 12 năm 2020</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán. 	<p>Cập nhật cho phù hợp Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán hiện hành.</p>
2.	<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>1. ...</p> <p>1.3. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>29 tháng 06 năm 2006</u> và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày <u>24 tháng 11 năm 2010</u>.</p> <p>1.4. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>26 tháng 11 năm 2014</u>.</p>	<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>1. ...</p> <p>1.3. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>26 tháng 11 năm 2019</u> và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán tùy từng thời điểm.</p> <p>1.4. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>17 tháng 06 năm 2020</u>.</p>	<p>Sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.</p>
3.	<p>Điều 17: Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>...</p> <p>1.5 Quyền được nhận các thông tin về Công ty và quyền xem xét, tra cứu danh sách cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả cổ đông của Công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu 	<p>Điều 17: Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>...</p> <p>1.5 Quyền được nhận các thông tin về Công ty và quyền xem xét, tra cứu danh sách cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả cổ đông của Công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục <u>thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ</u> 	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p>

<p>quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>1.10. Quyền khởi kiện nhân danh Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông có quyền yêu cầu tòa án hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu quyết định đó trái với quy định của pháp luật hiện hành. - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ một phần trăm (1%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; + Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành. - Trường hợp Ban Kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu khởi kiện có quyền trực tiếp khởi kiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục khởi kiện được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. <p>...</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có các quyền sau:</p>	<p>đồng có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>...</p> <p><i>1.10. Hủy bỏ mục 1.10 và chuyển nội dung này vào mục 2.4 khoản 2 Điều này:</i></p> <p>...</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p>	
--	--	--

<p>2.1. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>2.2. <u>Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</u></p> <p>2.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; <p>2.4. <u>Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; và</u></p> <p>2.5. Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp luật.</p>	<p>2.1. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; <p>2.2. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>2.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>2.4 Khởi kiện nhân danh Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này. + Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này - Yêu cầu Ban Kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau: 	
---	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; + Các trường hợp khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành. <p>Trường hợp Ban Kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu khởi kiện có quyền trực tiếp khởi kiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục khởi kiện được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.</p> <p>2.5. Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>3.1. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3.2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	
4.	<p>3. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>3.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua....</p>	<p>4. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>4.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua....</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu.</p>

	<p>3.2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p> <p>3.3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>3.4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty....</p>	<p>4.2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p> <p>4.3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>4.4. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty....</p> <p>4.5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	
<p>5.</p>	<p>Điều 26: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông ...</p> <p>2.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và <u>quyết định mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</u></p> <p>3. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>3.3. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty. Nội dung và thời hạn thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 26: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông ...</p> <p>2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>...</p> <p>2.12. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>2.13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>3. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>3.3. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty. Nội dung và thời hạn thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu.</p>

<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4.1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp</p> <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể đề nghị UBCKNN gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u> <p>5. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông. <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc</u>. <p>5.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề xuất phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến</p>	<p>Ủy quyền và bên được ủy quyền hoặc văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty phù hợp quy định của pháp luật.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4.1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp</p> <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <p>5. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. <p>5.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề xuất phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất này và trả lời cổ đông bằng văn</p>	
--	---	--

<p>ngợi đưa vào chương trình họp. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất này nếu: ...</u></p> <p>6. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>7. Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>7.5. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa <u>các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập</u>. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì <u>thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>điều khiển</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp; <p>9. Thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>9.2. <u>Quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện <u>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; bán trên ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản <u>được ghi trong sổ kế toán của Công ty</u> thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận.</p>	<p>bản và nêu rõ lý do chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: ...</p> <p>6. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>7. Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>7.5. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập</u>. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp <u>theo nguyên tắc đa số</u>. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì <u>Trưởng Ban kiểm soát điều hành</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>điều hành</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp; <p>9. Thông qua <u>ngợi quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>9.2. <u>Ngợi quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện <u>trên năm mươi phần trăm (50%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp <u>tán thành</u>. Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; <u>dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</u> thì phải được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp <u>tán thành</u>.</p>	
--	--	--

	<p>9.5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nội dung phiếu lấy ý kiến, cách thức, thủ tục gửi, nhận phiếu, kiểm phiếu, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua <u>quyết định</u> dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua <u>nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết</u> chấp thuận.</p> <p>9.6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, <u>kể từ ngày quyết định được thông qua</u>. Việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>9.5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất cứ lúc nào để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Nội dung phiếu lấy ý kiến, cách thức, thủ tục gửi, nhận phiếu, kiểm phiếu, ghi biên bản phải tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua ngợi quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>9.6. Ngợi quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua. Việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>9.7. Ngợi quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua ngợi quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p>6.</p>	<p>Điều 27: Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>2.7 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, thầu, vay và cho vay và hợp đồng khác, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 35 của Điều lệ này. Giá trị cụ thể của loại hợp đồng cần được Hội đồng quản trị thông qua sẽ được Hội đồng quản trị quyết định theo từng thời điểm bằng văn bản;</p> <p>...</p> <p>2.13. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn</p>	<p>Điều 27: Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>2.7 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 35 và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 26 của Điều lệ này. Giá trị cụ thể của loại hợp đồng cần được Hội đồng quản trị thông qua sẽ được Hội đồng quản trị quyết định theo từng thời điểm bằng văn bản;</p> <p>...</p> <p>2.13. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu.</p>

<p>phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>9. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>...</p> <p>9.4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>...</p> <p>10. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>10.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được hoặc vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị bị trống thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên, tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>...</p> <p>12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>12.1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 8 Điều này; - Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn xin từ chức; - Bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm. 	<p>quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>9. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>...</p> <p>9.4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>...</p> <p>10. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>10.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được hoặc vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị bị trống thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên, tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>...</p> <p>12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>12.1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:</p> <p>12.1.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 8 Điều này; - Có đơn xin từ chức và được chấp thuận. 	
--	--	--

		<p>12.1.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; <p>12.1.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 12.1.1 và 12.1.2 Điều này.</p>	
<p>7.</p>	<p>Điều 29: Ban Kiểm soát</p> <p>2. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát</p> <p>...</p> <p>2.11 Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>...</p> <p>7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>7.4. <u>Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;</u></p> <p>7.5. Ít nhất có một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên;</p>	<p>Điều 29: Ban Kiểm soát</p> <p>2. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát</p> <p>...</p> <p>2.11 Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>2.12 Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>...</p> <p>7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>7.4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh;</p> <p>7.5. Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. <p>7.6. Trưởng Ban Kiểm soát:</p> <p>7.6.1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p> <p>7.6.2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu.</p>

	<p>8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát</p> <p>8.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 7 Điều này; - Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn xin từ chức; - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; - Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; - Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. <p>8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát</p> <p>8.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>8.1.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 7 Điều này; - Có đơn từ chức và được chấp thuận. <p>8.1.2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; - Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 	
<p>8.</p>	<p>Điều 35: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>1.3. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.</p>	<p>Điều 35: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp Luật Doanh nghiệp, Điều lệ mẫu và Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>...</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác với các đối tượng được nêu tại khoản 1 Điều này trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	<p>1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>...</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <p>3.1. Hợp đồng, giao dịch khác với các đối tượng được nêu tại khoản 1 Điều này ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>3.2 Hợp đồng, giao dịch với các đối tượng được nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>3.3. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	
<p>9.</p>	<p>Điều 48: Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 11 Chương 48 Điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần chứng khoán Thành Công nhất trí thông qua ngày 11 tháng 07 năm 2009 tại Thành phố Hồ Chí Minh và được Đại hội đồng cổ đông thống nhất sửa đổi và thông qua ngày <u>18 tháng 01 năm 2021.</u></p> <p>...</p>	<p>Điều 48: Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 11 Chương 48 Điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần chứng khoán Thành Công nhất trí thông qua ngày 11 tháng 07 năm 2009 tại Thành phố Hồ Chí Minh và được Đại hội đồng cổ đông thống nhất sửa đổi và thông qua ngày <u>09 tháng 06 năm 2021.</u></p> <p>...</p>	<p>Cập nhật cho phù hợp.</p>

TP. HCM, ngày tháng 05 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐÔNG HẢI